

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2022

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Dương Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Yến N, sinh ngày 07/3/1997; nơi cư trú: Ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Yến N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 25/5/2014 chị Võ Thị Yến N và anh Nguyễn Thanh H1 tự nguyện chung sống và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến ngày 16/6/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị N và anh H1 chung sống hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị N và anh H1 không còn sống chung từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh H1 có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 04/3/2015, hiện nay cháu H2 đang sống chung với chị N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H1.

Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 04/3/2015 cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh Nguyễn Thanh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị Võ Thị Yến N trình bày.

Trước yêu cầu của chị N, anh H1 có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 đồng ý ly hôn với chị Võ Thị Yến N.

Về con chung: Anh H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 04/3/2015 cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu chị Võ Thị Yến N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được và bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị N và anh H1 có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 04/3/2015, hiện nay cháu H2 đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu H2 có nguyện vọng được sống chung với chị N nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu H2 cho chị N trực

tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, chị N không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh H1.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị N có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị Yến N cư trú tại ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; anh Nguyễn Thanh H1, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H1 và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Chị N đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn và thông báo cho chị N nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị N đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Võ Thị Yến N là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, anh H1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh H1.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Yến N, sinh năm 1997 và anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1989 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2015 ngày 16 tháng 6 năm 2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Yến N và anh Nguyễn Thanh H1 là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Võ Thị Yến N, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị N, anh H1 hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý

kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị N và anh H1 không còn sống chung từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Chị N và anh H1 đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N và anh H1 trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và anh H1 đồng ý ly hôn với chị N nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho chị N và anh H1 ly hôn.

[5] Về con chung: Chị N và anh H1 có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 04/3/2015, hiện cháu H2 đang sống chung với chị N. Chị N và anh H1 đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H2 đến tuổi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra đến nay cháu H2 đều do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tại biên bản ghi nhận ý kiến do Tòa án lập ngày 07/01/2022, cháu Nguyễn Thanh H2 có nguyện vọng được sống chung với chị N và để cho cháu H2 ổn định cuộc sống nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và quyết định giao cháu H2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Do yêu cầu được nuôi con chung của chị N được chấp nhận nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của anh H1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị N không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi cháu H2 đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Thanh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh H1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị N.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H1 xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Võ Thị Yến N là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Yên N và anh Nguyễn Thanh H1 ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 04/3/2015 cho chị Võ Thị Yên N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Thanh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh H1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị N.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H1 xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Võ Thị Yên N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001716 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Võ Thị Yên N đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn